

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



TIỂU LUẬN MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Đề bài tiểu luận số: 2

Giáo viên hướng dẫn : LÊ THỊ HỒNG VÂN

Họ Và Tên: NGUYỄN GIA THÀNH

MSSV: 20003162

Lớp học: 20C6-CNO2

Thành phố Hồ Chí Minh 14 – 7/2021

Câu 1: Anh (chị) hãy phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Qua đó, hãy liên hệ thực trạng giai cấp công nhân Việt Nam và nêu một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay ?

Phần 1: Đặc điểm của giai cấp công nhân theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lê Nin.

Giai cấp công nhân ra đời, phát triển cùng với sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa thế kỷ XIX.

Định nghĩa giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng lao động cơ bản trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại ngày nay.

Đặc điểm của giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân ra đời và lớn lên cùng với sự phát triển của đại công nghiệp và cách mạng khoa học và công nghệ, họ đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có tính chất tiên tiến, gắn với xu hướng phát triển của xã hội.

Trong cuộc đấu tranh của mình, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để không chỉ để giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội.

Giai cấp công nhân lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền công nghiệp, nên họ có tính chất tổ chức kỷ luật cao.

Sản xuất công nghiệp và khoa học và công nghệ có tính chất quốc tế nên giai cấp công nhân có tính chất quốc tế.

Phần 2. Thực trạng của giai cấp công nhân hiện nay:

Trong thời gian qua, số lượng công nhân Việt Nam có xu hướng tăng nhanh theo quy mô nền kinh tế. Khởi đầu công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đội ngũ công nhân nước ta có khoảng 5 triệu người. Đến cuối năm 2005, số lượng công nhân trong các doanh nghiệp và cơ sở kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế ở nước ta là 11,3 triệu người, chiếm 13,5% dân số, 26,46% lực lượng lao động xã hội. Trong đó: 1,84 triệu công nhân thuộc các doanh nghiệp nhà nước; 2,95 triệu trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước; 1,21 triệu trong các doanh nghiệp FDI; 5,29 triệu trong các cơ sở kinh tế cá thể.

So với năm 1995, tổng số công nhân tăng 2,14 lần, trong đó doanh nghiệp nhà nước tăng 1,03 lần; doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 6,86 lần; doanh nghiệp FDI tăng 12,3 lần; các cơ sở kinh tế cá thể tăng 1,63 lần.

Hiện nay, cả nước có hơn 12,3 triệu công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế.

Công nhân thuộc các doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm do sự sắp xếp lại cơ cấu. Năm 1986, có 14 nghìn doanh nghiệp với 3 triệu công nhân; năm 1995 tương ứng là 7.090 và 1,77 triệu; năm 2005 là 3.935 và 1,84 triệu; năm 2009 là 3.369 và 1,74 triệu. Mặc dù đội ngũ công nhân trong doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm, nhưng đây là lực lượng nòng cốt của giai cấp công nhân nước ta.

Công nhân thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và các doanh nghiệp có vốn FDI tăng mạnh do số lượng các doanh nghiệp này tăng nhanh. Năm 1991, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước mới có khoảng 1.230 doanh nghiệp, đến năm 1995 đã tăng lên 17.143 doanh nghiệp với hơn 430 nghìn công nhân. Năm 2009, con số này lên tới 238.932 với 5.266,5 nghìn công nhân, trong đó kinh tế tập thể 261,4 nghìn; kinh tế tư nhân 571,6 nghìn; các loại khác 4.433,5 nghìn. Số lượng công nhân khu vực ngoài nhà nước chủ yếu tăng ở các tỉnh, thành phố phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng.

Trong khu vực có vốn FDI, đến cuối năm 2009, có 1.919,6 nghìn người đang làm việc trong 6.546 doanh nghiệp. Tính đến hết năm 2011, cả nước có 283 khu công nghiệp, khu chế xuất được thành lập tại 58 tỉnh, thành phố, thu hút khoảng 1,6 triệu lao động. Ngoài ra, lực lượng lao động ở nước ngoài cũng là bộ phận quan trọng tạo nên sự lớn mạnh của giai cấp công nhân Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tính đến tháng 6-2008, tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài trên 500 nghìn người. Bộ phận này được tiếp xúc và làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại, có điều kiện học tập, rèn luyện chuyên môn, tay nghề, nâng cao tác phong công nghiệp.

Công nhân làm việc trong các ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 70,9%, ngành dịch vụ và thương mại chiếm 24,3%, các ngành khác chiếm 4,8%. Riêng các cơ sở kinh tế cá thể, công nhân chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực dịch vụ và thương mại chiếm 66,7%,

33,33% làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Hiện tượng thay đổi việc làm, nghề nghiệp của công nhân nước ta cũng có chiều hướng gia tăng. Sự thay đổi nơi làm việc cũng diễn ra thường xuyên ở tất cả các thành phần kinh tế. Đặc biệt, công nhân lao động khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tỷ lệ thay đổi nơi làm việc rất lớn.

Giai cấp công nhân Việt Nam chiếm tỷ lệ không lớn so với dân số cả nước nhưng hằng năm đóng góp khoảng 50% tổng sản phẩm xã hội và bảo đảm hơn 60% ngân sách nhà nước.

Những hạn chế:

Hiện nay, công nhân nước ta năng động trong công việc, nhanh chóng tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ hiện đại và đã bắt đầu hình thành ý thức về giá trị của bản thân thông qua lao động. Vị thế giữa công nhân lao động trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước không còn cách biệt nhiều. Tâm lý lấy lợi ích làm động lực là nét mới đang dần trở thành phổ biến trong công nhân. Sự quan tâm hàng đầu của công nhân là việc làm, thu nhập tương xứng với lao động.

Mong muốn có được sức khỏe, đất nước ổn định và phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, dân chủ, công bằng xã hội được thực hiện, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuận lợi, có đủ việc làm. Mong muốn được học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, được bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

Thực tế cho thấy giai cấp công nhân Việt Nam đang có những biến đổi căn bản về chất. Tuy nhiên, so với những yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế thì giai cấp công nhân Việt Nam còn không ít hạn chế, bất cập:

Thứ nhất, giai cấp công nhân không những bất cập so với yêu cầu phát triển chung của thời đại mà đang thực sự bất cập với chính yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp của công nhân lao động còn thấp so với yêu cầu phát triển đất nước và đang mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu lao động kỹ thuật giữa các bộ phận công nhân. Rõ nét nhất là tình trạng thiếu nghiêm trọng chuyên gia kỹ thuật, nhà quản lý giỏi, công nhân có trình độ tay nghề cao.

Thứ hai, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân chưa được đảm bảo, môi trường làm việc độc hại, quyền lợi không được giải quyết một cách thỏa đáng... đã dẫn đến các cuộc

đình công. Các cuộc đình công tự phát ngày càng gia tăng với tính chất gay gắt, phức tạp. Theo Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, năm 2011, cả nước xảy ra 981 cuộc đình công, tăng hơn 2,3 lần so với năm 2010, tập trung chủ yếu ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do người sử dụng lao động không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật như không trả lương đúng bảng lương đã đăng ký, tự ý thay đổi định mức lao động, sa thải công nhân vô cớ, không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho công nhân, ...

Thứ ba, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp của một bộ phận công nhân còn yếu. Ý thức chính trị, nhận thức về luật pháp của công nhân còn hạn chế. Tỷ lệ đảng viên, đoàn viên công đoàn trong công nhân lao động còn thấp.

Thứ tư, vai trò của tổ chức đảng và các đoàn thể trong các doanh nghiệp chưa đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng về số lượng, cơ cấu của giai cấp công nhân. Công tác phát triển đảng trong công nhân chậm. Ở hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân đều không muốn hoặc không quan tâm đến việc xây dựng các tổ chức đảng. Hoạt động của Đoàn Thanh niên, tổ chức công đoàn còn mang tính hình thức. Nhiều tổ chức công đoàn chưa thực sự đứng về phía người lao động, bởi cán bộ công đoàn do doanh nghiệp trả lương, làm việc không chuyên trách dưới sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của chủ doanh nghiệp.

Phần 3. Giải pháp xây dựng giai cấp công nhân hiện nay:

Để làm tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn phải nỗ lực phấn đấu không ngừng. Mỗi công nhân, người lao động phải ý thức được trách nhiệm của mình đối với giai cấp, với dân tộc trước những thời cơ lớn và thách thức gay gắt. Phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất đạo đức và tác phong công nghiệp, quyết tâm vươn lên làm giàu cho mình, cho gia đình, góp phần làm giàu cho xã hội. Tích cực, chủ động tham gia xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong từng tập thể và trong toàn bộ giai cấp, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mỗi công nhân, người lao động phải thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc gia nhập, tham gia hoạt động công đoàn và xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh. Bởi chỉ có xây dựng tổ chức công đoàn lớn mạnh thì mới thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức.

Câu 2: Anh (chị) hãy phân tích nội dung đặc trưng: “Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, là một trong tám đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng ta xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Anh (chị) liên hệ thực tiễn việc bảo vệ và phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay. Sinh viên cần làm gì để góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta.

Phần 1. Nội dung đặc trưng: “Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, là một trong tám đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng ta xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Văn hóa nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ, cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị truyền thống tốt đẹp, bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; cần cù, sáng tạo trong lao động; dũng cảm, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

Bảo vệ bản sắc dân tộc gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán cũ.

Phần 2. Liên hệ thực tiễn việc bảo vệ và phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay.

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho

văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu-nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Phần 3: Sinh viên cần làm gì để góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta.

Mỗi sinh viên phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của cá nhân. Quan trọng hơn,

các bạn trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh.

Với trách nhiệm của mình, Hội Sinh viên Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống trong sinh viên và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần thường xuyên thực hiện tốt. Đẩy mạnh tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước, của quê hương. Hơn nữa, phải chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại; đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm; khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong tuổi trẻ.

Hội Sinh viên Việt Nam các cấp cần trở thành mái nhà chung ấm áp để sinh viên đóng góp, cống hiến trong các phong trào Hội.

Hội Sinh viên cần tạo nhiều hơn nữa các sân chơi lành mạnh để đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi và giải trí của hội viên, sinh viên. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để sinh viên đăng ký và tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, trong đó chú trọng các đề tài liên quan bảo vệ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Những hội viên và quan trọng hơn là những cán bộ nòng cốt của Hội phải là những người tiên phong đi đầu, làm gương trong công tác này, chủ động xây dựng tác phong, lối sống đẹp, sống có ích... và động viên, khuyến khích các bạn trẻ hưởng ứng. Được như vậy, vai trò của Hội Sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc sẽ nhanh chóng được khẳng định.

Câu 3: Anh (chị) hãy phân tích quan điểm của Đảng ta hiện nay về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ nội dung trên, anh (chị) hãy liên hệ thực tiễn việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Sinh viên cần phải làm gì để góp phần phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc hiện nay?

1. Quan điểm của Đảng ta hiện nay về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống

tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế-xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX (3-2003) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” xác định các quan điểm sau:

Một là, đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tình thân ái, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Ba là, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội..

Bốn là, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

2. Liên hệ thực tiễn việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng trong hơn 25 năm đổi mới, lĩnh vực văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, quan trọng. Tư tưởng, đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có những chuyển biến tích cực. Nhiều giá trị mới về văn hóa, chuẩn mực đạo đức được khẳng định và nhân rộng trong xã hội. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các phong trào thi đua yêu nước ngày càng được mở rộng và từng bước đi vào thực chất

trong đời sống xã hội. Công cuộc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá của dân tộc đã đạt được nhiều tiến bộ. Nhiều di sản văn hoá vật thể, phi vật thể được bảo vệ và phát huy giá trị. Công tác xã hội hoá đã thu hút được đông đảo các tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, góp phần tích cực gìn giữ bản sắc văn hóa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc, dần loại bỏ những sự lỗi thời, lạc hậu.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc đã trở thành một bài học kinh nghiệm lớn của dân tộc ta, là điều kiện bảo đảm thực hiện thành công việc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay thì bài học kinh nghiệm này vẫn còn nguyên giá trị và cần được tiếp tục phát huy để khơi dậy sức mạnh to lớn của dân tộc trong công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa hiện nay việc phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc càng cần được phát huy. Do đó mỗi cá nhân cần quán triệt tư tưởng sâu sắc trong việc đấu tranh với bản thân để noi theo tấm gương vĩ đại của Hồ Chí Minh.

Chúng ta phải luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, chống những luận điệu xuyên tạc về Đảng, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao trình độ để thích ứng với điều kiện xã hội mới, áp dụng triệt để và linh hoạt các nguyên tắc của Người tùy theo vị trí của mình như tập trung dân chủ, kỷ luật nghiêm minh, tự giác trong công việc cũng như trong cuộc sống cộng đồng.

Đẩy mạnh việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn của bản thân, tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước. Chống các biểu hiện suy thoái về phẩm chất đạo đức, luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức.

Sinh viên cần có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức: Cần gương mẫu rèn luyện phẩm chất tư cách, làm tròn những nhiệm vụ được Đảng và chính quyền giao phó. Có lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã với mọi người. Luôn tự rèn luyện và trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống.

Thẳng thắn, trung thực bảo vệ công lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt, chân thành, khiêm tốn, không bao che khuyết điểm,...Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong tập thể, trong cơ quan đơn vị. cần tự đặt mình trong tổ chức, trong tập thể,

phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, không chia bè kéo cánh để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ.

Cần có ý thức coi trọng việc tự phê bình và phê bình; phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân; động viên người thân trong gia đình giữ gìn đạo đức lối sống, thực hiện xây dựng gia đình văn hóa.

Để phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc hiện nay mỗi cá nhân không chỉ cần rèn luyện, tu dưỡng đạo đức mà còn cần phải không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”
2. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng
3. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2020), Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị, chương trình đào tạo Cao đẳng.NXB. LĐTBXH,HN.
4. <https://www.tapchicongsan.org.vn>